

Số: 01/QĐ-THPTBLS

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026**  
**của Trường THPT Bắc Lương Sơn**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT BẮC LƯƠNG SƠN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 3228/QĐ-SGDĐT ngày 18/12/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Bắc Lương Sơn (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Danh Chiến*

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Bắc Lương Sơn

Chương: 422

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 01 /QĐ-THPTBLS ngày 05/01/2026 của Hiệu trưởng Trường  
THPT Bắc Lương Sơn)



Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán được giao |
|-------|---------------------------------------------|-------------------|
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 18.630.631.000    |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 18.630.631.000    |
| 1     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 18.630.631.000    |
| 1.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 18.620.281.000    |
| 1.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 10.350.000        |
|       |                                             |                   |